

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 421/2003/QĐ-NHNN ngày 05/5/2003 về việc sửa đổi Quy chế thực hiện đầu tư, mua sắm thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu và giải pháp kỹ thuật phục vụ quá trình in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 580/2002/QĐ-NHNN ngày 10/6/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.**

### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 81/1998/NĐ-CP ngày 01/10/1998 của Chính phủ về in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền giấy, tiền kim loại; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống ngân hàng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phát hành và kho quỹ,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bỏ khoản 3 Điều 12 Quy chế thực hiện đầu tư, mua sắm thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu và giải pháp kỹ thuật phục vụ quá trình in, đúc tiền của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 580/2002/QĐ-NHNN ngày 10/6/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ phát hành và kho quỹ, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Cục trưởng Cục quản trị, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Nhà máy in tiền Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

### THANH TRA NHÀ NƯỚC

**THÔNG TƯ số 455/TT-TTNN ngày 02/5/2003 quy định mẫu Thẻ Thanh tra viên, và việc cấp phát, quản lý, sử dụng thẻ.**

*Căn cứ Điều 9, Điều 12 Quy chế Thanh tra viên ban hành kèm theo Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); thực hiện Công văn số 1887/VPCP-VI ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp Thẻ Thanh tra viên thay cho Thẻ Thanh tra viên cấp năm 1997 và giao cho Thanh tra Nhà nước quy định mẫu Thẻ Thanh tra viên;*

*Thanh tra Nhà nước quy định mẫu Thẻ Thanh tra viên, việc cấp phát và quản lý thẻ như sau:*

## I. MẪU THẺ THANH TRA VIÊN

Thẻ Thanh tra viên hình chữ nhật, rộng 61 mm dài 87 mm.

- Mặt sau: màu hồng tươi, nền thẻ có hoa văn, ở giữa có biểu tượng ngành thanh tra in bóng, nội dung ghi:

(biểu tượng ngành thanh tra)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THẺ THANH TRA VIÊN**

Số:

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Hà Nội, ngày tháng năm

TỔNG THANH TRA NHÀ NƯỚC

(ảnh)

Vạch đỏ rộng 0,8 - 1 cm

ảnh của người được cấp có đóng dấu nổi.

- Mặt trước của Thẻ:

(Quốc huy trên nền đỏ cờ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**THẺ THANH TRA VIÊN**

## II. CẤP PHÁT VÀ QUẢN LÝ THẺ THANH TRA VIÊN

### 1. Tổng Thanh tra Nhà nước cấp và thống nhất

quản lý Thẻ Thanh tra viên trong hệ thống tổ chức Thanh tra Nhà nước.

2. Công chức được bổ nhiệm vào các ngạch Thanh tra viên theo quy định tại Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 được cấp Thẻ Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bộ), Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) tổng hợp nhu cầu và có văn bản đề nghị Tổng Thanh tra Nhà nước cấp thẻ cho Thanh tra viên thuộc hệ thống tổ chức Thanh tra của Bộ, ngành, địa phương.

Hồ sơ đề nghị cấp thẻ gồm có:

- Công văn đề nghị cấp thẻ Thanh tra viên (kèm theo danh sách trích ngang) do Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh ký.

- Phiếu Thanh tra viên; Quyết định bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên.

- 2 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm (chụp mới, kiểu chứng minh thư mặc trang phục mùa đông).

3. Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý việc sử dụng Thẻ Thanh tra viên của tổ chức thanh tra thuộc quyền quản lý của mình; khi phát hiện Thanh tra viên vi phạm kỷ luật hoặc sử dụng thẻ sai mục đích, có quyền tạm thu hồi thẻ và làm rõ mức độ sai phạm, kiến nghị hình thức xử lý và báo cáo Tổng Thanh tra Nhà nước.

4. Thanh tra viên có trách nhiệm bảo quản thẻ. Trường hợp Thẻ Thanh tra viên bị hỏng, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có công văn đề nghị Tổng Thanh tra Nhà nước cấp đổi (kèm theo thẻ bị hỏng và đơn xin đổi thẻ).

Trường hợp bị mất thẻ, Thanh tra viên phải báo cáo rõ lý do cho Chánh Thanh tra trực tiếp

quản lý bằng văn bản (có xác nhận của cơ quan công an).

Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh 6 tháng một lần tổng hợp các trường hợp để mất, để hỏng Thẻ Thanh tra viên trình Tổng Thanh tra Nhà nước cấp bổ sung.

Hồ sơ đề nghị cấp bổ sung gồm có:

- Đơn đề nghị cấp lại Thẻ Thanh tra viên.
- Xác nhận của cơ quan công an về việc mất thẻ.
- Hai ảnh mẫu cỡ 3 x 4 cm chụp theo quy định.
- Công văn của Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh ký trình Tổng Thanh tra Nhà nước.

5. Khi Thanh tra viên chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc từ trần, Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra tỉnh phải thu hồi Thẻ Thanh tra viên và nộp về Thanh tra Nhà nước.

### III. SỬ DỤNG THẺ THANH TRA VIÊN

Thẻ Thanh tra viên xác định tư cách pháp lý để Thanh tra viên thực thi quyền hạn của mình và chỉ sử dụng khi thi hành nhiệm vụ. Đối tượng thanh tra và các cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Thanh tra viên theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm Thanh tra viên lợi dụng Thẻ Thanh tra viên sử dụng vào mục đích cá nhân. Trường hợp Thanh tra viên sử dụng thẻ để thực hiện hành vi trái pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm, phải chịu xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thông tư này thay thế Thông tư số 1183/TTNN ngày 31/7/1996 của Thanh tra Nhà nước.

Tổng Thanh tra Nhà nước

QUÁCH LÊ THANH